

VỀ MỘT NGHI LỄ MẬT GIÁO QUA BIA THÁP *SÙNG THIỆN DIỄN LINH THỜI LÝ*

HÀ VĂN TẤN^(*)

Hội đèn Quảng Chiếu ở kinh đô Thăng Long thời Lý đã được sử sách nhắc đến. *Đại Việt sử lược* chép: "Năm Hội Tường Đại Khánh thứ 7, Bính Thân (1116), mùa xuân, tháng giêng, đặt đèn Quảng Chiếu ở ngoài cửa Đại Hưng, chế nhà sư bằng gỗ đánh chuông". *Đại Việt sử kí toàn thư* chép: "Năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ nhất (1120), tháng hai, mở hội đèn Quảng Chiếu"⁽¹⁾. "Năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ bảy (1126), mùa xuân, tháng giêng, mở hội đèn Quảng Chiếu bảy ngày bảy đêm"⁽²⁾. Nhưng ghi chép khá kĩ về hội đèn Quảng Chiếu ở Thăng Long thì ta chỉ gặp trên văn bia tháp Sùng Thiện Diên Linh, soạn năm 1121, ở chùa Đọi, Hà Nam.

Tôi muốn chép lại ở đây nguyên văn đoạn có liên quan đến hội đèn Quảng Chiếu trong văn bia, sau khi đã so sánh các bản sao văn bia với bản đập bia:

"Kiến Quảng Chiếu chi đăng đài; hướng đoan môn chi đỉnh thượng. Trung tiêu nhất cán; ngoại thiết thất tầng. Cù cung xuất nhi bổng kim liên; phùng sa lung nhi dịch lan diệm. Uẩn cơ vi ư địa hạ, viên chuyển như luân; thước quang thái ư thiên trung, oánh hoàng tự nhật. Phục hữu nghiêm chương bảo thánh, kim điện trân bảo tùng. Tự duệ ý trang thành; tọa kim sắc tương đấu. Trạng tả linh văn; hình phô kì lệ. Hựu hữu hoa lâu lưỡng tọa; quản dĩ kim chung. Khắc thích tử nhi thể quải diên y; vậ u cơ nhi bá chuy như kích. Văn minh tiểu nhi túc nghi chuyển diện; đồ anh thánh nhi khổ thủ khúc

cung. Xuất tự duệ mưu, uyển như động tĩnh. Phục hữu diệm thất bảo chi tốt đồ; tác nhất hàng nhi hồ bài. Đoan trung tác hoàng kim nhất phong, tọa Đa Bảo Như Lai chi thủy tướng; liệt kỉ tầng pháp giá chi chân hình. Thiêm quang thước thần húc chi huy; ngõa sắc khai bích vân chi thái. Kì thứ, tác bạch ngân nhị tòa, tả trí A Di Đà chi chân dung; hữu trữ Diệu Sắc Thân chi túy chất. Tiểu thư hùng thế; kiều bị phi manh. Linh lung khi thủy tuyết chi dung; xán lạn đoạt thu thiêm chi khiết. Cánh thứ, tác ô văn nhị tòa, tả an Quảng Bác Thân chi từ nhan; hữu bị Ly Bố Úy chi diệm tướng. Kí dĩ viên cao các; hựu cánh khởi nguy tầng. Cái diệt tố quỳnh; bích thuyên long trạng. Hựu thứ, tác tượng xỉ nhị tòa, tả hi Cam Lộ Vương chi hình nghi; hữu nghiêm Bảo Thắng Phật chi túy mục. Thiết tha tố chất; sùng giá sương doanh. Bài lãng điều duyên ngọc chi anh; gian khích tiền linh tê chi giác. Kiêm tinh chế kí từ chi mĩ; các thuyên vu liên tọa chi bàng. Phi tuyết tinh thành; vĩnh chiêu quyết hậu. Nhu hựu tả cửu thiên dĩ ngũ sắc; khắc tứ trụ dĩ song huyền. Duyên biên nhi oánh điểm thiên đăng; lưỡng diện nhi luyện trang kim thái. Khả vị tuyệt cổ kim chi chế độ; siêu tạo hóa chi sinh thành. Khuynh thiên hạ chi ung hòa, dạ vi trú thưởng; sững thế gian chi tâm mục, lão hoán đồng nhan".

G.S, Viện Khảo cổ học.

1. *Đại Việt sử kí toàn thư*, q.3, tr.20b.

2. *Đại Việt sử kí toàn thư*, q.3, tr.24a.

Như ta đã biết, bài bia này đã được sao lại trong *Thơ văn Lý - Trần*, tập I, của Viện Văn học và đã được Đỗ Văn Hỷ dịch ra tiếng Việt⁽³⁾. Tôi ghi lại đây đoạn dịch của Đỗ Văn Hỷ phần nguyên văn câu nói trên; "Dựng đài cao Quảng Chiếu; hướng sân trước Đoan môn. Trong nêu một cột; ngoài đặt bảy tầng. Uốn hình cung nâng lấy sen vàng; may lồng nhiều che cho ngọn lạp. Dấu cơ vi ở dưới đất, như bánh xe xoay chuyển; rực ánh sáng ở giữa trời, như bóng ác chói trang. Lại có bảo thánh rực rỡ trang nghiêm; điện vàng viện báu. Do ý thánh dựng nên; đặt tượng vàng hai dãy. Dáng tỏ linh văn; hình phô kì lệ. Lại có hai tòa lầu hoa, trong treo chuông vàng, khắc chú tiểu mình mặc áo nâu sồng; vận máy ngậm giờ vỗ chuông lên đánh. Nghe vỗ bao gươm mà đứng nghiêm quay mặt; nhìn thấy thánh mình mà khom cật cúi đầu. [Những việc này] đều nảy ra từ ý nhà vua, muốn sao được vậy. Lại có đài cao thất bảo, xếp thành một dãy, chính giữa có ngọn núi vàng. Đặt tượng đẹp Như Lai Đa Bảo; bày chân hình xe phép mấy tầng. Mái hiên lấp lánh ánh mặt trời buổi sáng; màu ngói huy hoàng vẻ mây biếc ban chiều. Thứ đến hai tòa bạch ngân: bên tả đặt chân dung A Di Đà; bên hữu để xá lị của sắc thân mâu nhiệm. Chiều cao mở ra thế khỏe; vẻ đẹp phô rõ mái cong. Long lanh ngõ tuyết trắng đang tan; rực rỡ ánh trăng thu vàng vạc. Thứ nữa lại có hai tòa diêu văn: bên tả đặt từ nhan của Chính Giác; bên hữu đặt diệu tướng của Bồ Đề. Đã hoàn thành gác lớn; lại xây dựng lầu cao. Nóc che ngói quý; Vách chạm hình rồng. Lại thứ nữa có hai tòa ngà voi: bên tả chạm hình dung Phật Cam Lô; bên hữu đặt diệu tướng Phật Bảo Thắng. Gọi mài chất quý; cao dựng cột hiên. Các cạnh nạm ngọc quý; các khe khảm sừng tê. Lại soạn kĩ những lời ghi đẹp đẽ, đều khắc vào bên cạnh tòa sen. Mở tám lòng trong trắng; soi

sáng mãi đời sau. Lại tả chín phương bằng năm sắc; khắc bốn cột bằng song huyền. Hai bên nghìn đèn nhấp nháy; bốn mặt rực rỡ vàng son. Có thể gọi là: hơn xa chế độ xưa nay; vượt hẳn sinh thành tạo hóa. Dồn hòa vui của thiên hạ, đêm trở thành ngày; thỏa tâm mục của thế gian, già nay trẻ lại⁽⁴⁾".

Có thể nói đây là một bản dịch hay, cố gắng theo thể biên ngẫu, có nhịp điệu, nên hiện nay nhiều người đã dùng bản dịch này. Tập *Thơ văn đời Lý* mới đây của nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin cũng lấy lại bản dịch này⁽⁵⁾.

Đáng tiếc là Đỗ Văn Hỷ không quen những từ ngữ Phật giáo, nên nhiều chỗ trong đoạn trên đã bị dịch sai, làm mất đi những thông tin quan trọng, khiến người ta không thể hình dung ra nghi lễ của hội đèn Quảng Chiếu đời Lý. Tôi muốn qua sự đính chính lại đoạn dịch của Đỗ Văn Hỷ, nói rõ hơn về đàn lễ của hội đèn Quảng Chiếu, dưới ảnh hưởng của Phật giáo. Ở đây tôi sẽ bỏ qua những câu thông thường mà chỉ chú ý đến những câu có liên quan đến Phật giáo.

Trước hết chúng ta chú ý đến câu "Phục hữu diệu thất bảo chi tốt đồ, tác nhất hàng nhi hồ bài", mà Đỗ Văn Hỷ dịch là: "Lại có đài cao thất bảo xếp thẳng một dãy". Thật ra không phải như vậy. Phần trên bài bia này, có chữ "đổ ba", ông Hỷ đã thừa nhận là không hiểu⁽⁶⁾. Thực ra, "tốt đồ" (mà ông Hỷ

3. Viện văn học. *Thơ văn Lý - Trần*, Tập I. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 388 - 420.

4. Sđd, tr.404 - 405.

5. *Thơ văn đời Lý*. Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1998, tr.326 - 389.

6. *Thơ văn Lý - Trần*. Sđd, tr.414, chú thích.

đọc là "tuyệt đồ", trên bia ghi rõ là chữ () theo *Khang Hy tự điển*, chữ này có âm là "tốt", tô cốt thiết) hay "đồ ba" là tên gọi tắt của "tốt đồ ba" (), tiếng Hán phiên âm tiếng Sanskrit "stūpa", nghĩa là "tháp". Như vậy, câu này phải dịch: "Lại có các tháp làm bằng thất bảo xếp bày thành một hàng". Một hàng tháp chứ không phải một dãy dài. "Thất bảo", theo Phật giáo, là chỉ bảy vật quý, gồm có vàng (suvarna), bạc (rūpya), lưu ly (vaidūrya), pha lê (sphatika), xà cừ (Musāragalva), xích châu (rohita - mukta), mã não (āsmagarbha). Ở đây, ta sẽ thấy, các tháp làm bằng vật liệu quý nhưng không đúng như danh sách "thất bảo" thường gặp. Từ "thất bảo" chỉ có nghĩa tượng trưng là các vật quý.

Tiếp theo là câu "Đoan trung tắc hoàng kim nhất phong". Đỗ Văn Hỷ dịch là: "Chính giữa có một ngọn núi vàng". Không phải! Ở đây phải hiểu "nhất phong" là một ngọn tháp chứ không phải là một ngọn núi. Trong một hàng tháp thì ở chính giữa là một ngọn tháp bằng vàng. Trên tòa tháp này đặt tượng Đa Bảo Như Lai.

Tiếp nữa là câu "Kì thứ tắc bạch ngân nhị tòa, tả trí A Di Đà chi chân dung, hữu trữ Diệu Sắc Thân chi túy chất". Đỗ Văn Hỷ dịch là: "Thứ đến hai tòa bạch ngân, bên tả đặt chân dung Phật A Di Đà, bên hữu đặt xá lị của sắc thân màu nhiệm". Hai tòa ở đây cũng phải được hiểu là hai tòa tháp. Hai tháp này làm bằng bạc. Tháp bên trái đặt tượng Phật A Di Đà, tháp bên phải đặt tượng Phật Diệu Sắc Thân. Dịch như Đỗ Văn Hỷ là làm biến mất danh hiệu của vị Phật này.

Lại đến câu "Cánh thứ tắc ô văn nhị tòa, tả an Quảng Bác Thân chi từ nhan, hữu bị Ly Bố Uý chi diệu tướng". Câu này được Đỗ Văn Hỷ dịch: "Thứ nữa có hai tòa điêu văn, bên tả đặt từ nhan của Chính Giác, bên hữu đặt diệu tướng của Bồ Đề". Tôi đã đọc

kĩ chữ trên bia và bản dập thì thấy đúng là chữ "ô" () chứ không phải là chữ "điều" (). Mà phải là "ô văn" mới có nghĩa. Ô văn hay ô văn mộc là một loại gỗ quý màu đen, mà ta thường gọi là gỗ mun (tên khoa học là *Diospyros mun*). Như vậy là có hai tòa tháp làm bằng gỗ mun. Tòa tháp bên trái đặt tượng Quảng Bác Thân và tòa tháp bên phải đặt tượng Ly Bố Uý. Vì không biết đó là tên hai vị Phật nên Đỗ Văn Hỷ đã dịch sai hoàn toàn câu này.

Chỉ có câu tiếp đó: "Hựu thứ tắc tượng xỉ nhị tòa, tả hi Cam Lộ Vương chi hình nghi, hữu nghiêm Bảo Thắng Phật chi túy mục", là Đỗ Văn Hỷ dịch tương đối đúng: "Lại nữa là hai tòa ngà voi, bên tả chạm hình dung Phật Cam Lộ, bên hữu đặt diệu tướng Phật Bảo Thắng". Nhưng ở đây hai tòa ngà voi cũng phải được hiểu là hai tòa tháp bằng ngà voi.

Như vậy, qua việc đính chính lại bản dịch của Đỗ Văn Hỷ, ta có thể hình dung ra lễ đàn của hội đền Quảng Chiếu ở Thăng Long.

*
* *

Qua miêu tả ở văn bia tháp Sùng Thiện Diên Linh, ta biết rằng trong hội đền Quảng Chiếu ở Thăng Long, có 7 ngôi tháp, xếp thành một hàng, trên mỗi tháp đặt một pho tượng Phật. Tháp chính giữa bằng vàng, có tượng Phật Đa Bảo. Phật Đa Bảo, hay Đa Bảo Như Lai, tên Sanskrit là Prabhūtaratna, theo *Diệu pháp liên hoa kinh (Bảo tháp phẩm)*, là vị cổ Phật ở thế giới Bảo Tịnh Đông phương, khi còn là bồ tát, có lời nguyện là sau khi thành Phật, nếu có chư Phật giảng kinh Diệu pháp liên hoa ở đâu, thì sẽ có bảo tháp chứa xá lị của mình hiện ra ở đó. Vì vậy, khi Phật Thích Ca giảng

kinh này ở núi Linh Thứu, có bảo tháp của Phật Đa Bảo hiện ra, trong tháp vang lên lời tán thán Thích Ca.

Ở hai bên tháp vàng là hai tháp được làm bằng bạc. Tháp bạc bên trái có tượng Phật A Di Đà, tháp bạc bên phải có tượng Diệu Sắc Thân. Phật A Di Đà (Amitābha) thì hẳn mọi người đều đã biết, đó là vị Phật ở phương Tây. Còn Diệu Sắc Thân hay Diệu Sắc Thân Như Lai, tên Sanskrit là Surūpakāyau Tathāgata, là một tên khác của Phật A Xúc (Akṣobhya), tức vị Phật ở phương Đông.

Hai tháp bên cạnh các tháp bạc làm bằng gỗ mun ô văn. Tháp bên trái có tượng Phật Quảng Bác Thân. Quảng Bác Thân (tên Sanskrit là Vipulakāya) là một tên khác của Phật Tì Lô Già Na (Vairocana) hay Đại Nhật Như Lai, được coi là Phật ở trung ương. Tháp bên phải có tượng Phật Ly Bố Uý. Ly Bố Uý Như Lai là một tên gọi khác của Thích Ca Mâu Ni, được gọi là Phật ở phương Bắc.

Hai tháp bên cạnh các tháp gỗ mun làm bằng ngà voi. Tháp ngà bên trái đặt tượng Phật Cam Lô Vương. Cam Lô Vương là một tên khác của A Di Đà. Ở tháp bên phải có tượng Phật Bảo Thắng. Phật Bảo Thắng (tên Sanskrit là Ratnaketu) là một tên gọi khác của Phật Bảo Chưởng hay Bảo Sinh (Ratnasmbhava), tức vị Phật ở phương Nam.

Nhưng có một câu hỏi đặt ra là vì sao có bảy ngọn tháp và bảy vị Phật nói trên? Tại sao không phải các vị Phật khác? Có giải thích được điều này ta mới hiểu được ý nghĩa đàn lễ của hội đền Quảng Chiếu.

Có thể thấy trong bảy vị Phật nói trên thì năm vị Phật sau đây là cần thiết đối với nghi lễ "thí ngạ quỷ pháp", tức phép bố thí ăn uống cho ma đói:

1. Bảo Thắng Như Lai,
2. Diệu Sắc Thân Như Lai,

3. Cam Lô Vương Như Lai,
4. Quảng Bác Thân Như Lai,
5. Ly Bố Uý Như Lai.

Chúng ta biết rằng các vị Phật nói trên còn có những tên khác, nhưng khi đã mang các danh hiệu như trên đây là có liên quan đến phép làm lễ thí thực cho ma đói. Lễ thí thực cho ma đói nói tới ở đây là một nghi lễ Mật giáo. Nghi lễ này đã được đề cập trong quyển kinh có tên *Phật thuyết cứu bạt Diệm Khẩu ngạ quỷ đà la ni kinh* do nhà sư Mật Tông ở Trung Quốc là Bất Không (Amoghavajra) dịch vào thế kỉ VIII. Kinh này trước đó đã có bản dịch của Thục Xoa Nan Đà (śikṣānanda) ở thế kỉ VII, với tên *Phật thuyết cứu bạt Diệm Nhiên ngạ quỷ kinh*, nhưng không phổ biến.

Kinh này kể rằng một đêm, tôn giả A Nan (Ānanda) gặp một ma đói tên là Diệm Khẩu (Ulkā-mukha, Bất Không dịch là Diệm Khẩu, Thục Xoa Nan Đà dịch là Diệm Nhiên) báo rằng ba ngày nữa ông sẽ chết và hóa thành ma đói. A Nan hỏi cách giải trừ, Diệm Khẩu đáp rằng phải cúng một hộc thức ăn. A Nan thưa việc này với Phật (Thích Ca), Phật bèn giảng về phép thí thực cho ma đói, rồi đọc một bài chú *đà la ni*, yêu cầu tăng tục phải niệm tụng.

Bất Không còn dịch một quyển có tên là *Thí chư ngạ quỷ ẩm thực cập thủy pháp* (Phép bố thí ăn uống và nước cho các ma đói). Theo các kinh sách này, nếu đọc tên năm vị Phật nói trên thì các ma đói diệt được vô lượng tội, sinh ra vô lượng phúc, được sắc thân tốt đẹp và vô bố úy (không sợ hãi), tất cả thức ăn biến thành nước Cam Lô vi diệu. Các điều này liên quan với danh hiệu các Phật. Ví dụ như niệm trì danh hiệu Quảng Bác Thân Như Lai (tức Phật Tì Lô Già Na) thì yết hầu của các ma sẽ rộng ra, thả sức ăn uống no nê...

Như vậy, rõ ràng các tháp ở hội đền Quảng Chiếu, Thăng Long thời Lý là có liên quan với lễ thí thực cho ma đói, hay nói chung, cho các cô hồn. Ở đây, ta thấy một ảnh hưởng của Mật giáo khá rõ ràng.

Nhưng ta lại thấy, trong nghi lễ thí thực, nếu đúng như các đạo tràng (hay *man ða la*, *mandala*) Mật giáo, thì phải xếp các Phật theo trật tự sau: Phật Quảng Bác Thân ở chính giữa, vì đó cũng là Phật Tì Lô Già Na hay Đại Nhật Như Lai, tức vị Phật tối cao của Mật giáo, nhất là sau thế kỉ VIII. Xung quanh, ta có Phật Cam Lô Vương (tức Phật A Di Đà) ở phương Tây, Phật Diệu Sắc Thân (tức Phật A Xúc) ở phương Đông, Phật Bảo Thắng ở phương Nam, Phật Ly Bố Uy (tức Thích Ca Mâu Ni) ở phương Bắc. Các tháp đáng lí cũng xếp theo trật tự đó.

Nhưng ở Thăng Long, trong hội đền Quảng Chiếu, các tháp lại xếp thành một dãy, ngoài năm vị Phật nói trên, còn thêm hai vị là Đa Bảo và A Di Đà, mà ta biết A Di Đà cũng là Cam Lô Vương. Tại sao lại như vậy? Ở đây, vị Phật có địa vị cao nhất không phải là Tì Lô Già Na (Vairocana), tức Đại Nhật Như Lai như trong Mật giáo, mà là Phật Đa Bảo. Tượng Phật Đa Bảo được đặt trên toà tháp bằng vàng duy nhất ở chính giữa. Có lẽ thời Lý, Phật Đa Bảo có vai trò một vị Phật tối cao. Chính vì vậy, theo văn bia tháp Sùng Thiện Diên Linh, ở chính giữa tầng dưới của toà tháp này có đặt tượng Đa Bảo Như Lai chứ không phải tượng các Phật khác. Các tầng trên không đặt các tượng Phật nào nữa. Phải chăng do thời Lý tôn sùng kinh *Diệu pháp liên hoa*, mà Phật Đa Bảo, như đã nói ở trên, là tượng trưng cho sự tôn sùng đó? Cũng do gắn liền kinh *Diệu pháp liên hoa* với sự xuất hiện của bảo tháp Đa Bảo mà người ta cho rằng sự có mặt của Phật Đa Bảo là để nói rằng Niết Bàn không phải là hư diệt⁽⁷⁾. Phải chăng đó cũng là quan niệm của Phật giáo thời Lý? Dấu sao thì địa vị của Phật Đa Bảo

thời Lý cũng rất cao, và hẳn vì thế, trong hội đền Quảng Chiếu, dấu không liên quan gì đến lễ thí thực, Phật Đa Bảo vẫn có mặt để làm chủ chư Phật. Mà đáng lí, theo Mật giáo, chủ chư Phật phải là Phật Tì Lô Già Na tức Đại Nhật Như Lai.

Còn vì sao lại có tượng Phật A Di Đà bên cạnh tượng Phật Đa Bảo trong khi đã có tượng Cam Lô Vương? Đó hẳn vì đời Lý, Phật A Di Đà đã trở thành một vị Phật rất quan trọng. Bấy giờ tín ngưỡng A Di Đà và Tây Phương cực lạc đã phổ biến. Chúng ta có thể biết rõ điều đó qua việc làm tượng A Di Đà của sư Trì Bát mà những dòng chữ khắc trên bệ tượng thời Lý ở chùa Hoàng Kim, Hà Tây, còn ghi lại⁽⁸⁾. Tượng A Di Đà cũng có mặt trong nhiều chùa thời Lý. Vì lẽ đó, hội đền Quảng Chiếu, tượng Phật A Di Đà đã được đưa lên một tháp bạc, với ý nghĩa là cõi Tịnh Độ sẵn sàng đón linh hồn chúng sinh. Nhưng vì sao đã có Phật A Di Đà, lại còn có Phật Cam Lô Vương, một tên khác của A Di Đà? Đó là vì Cam Lô Vương không thể thiếu được trong năm vị Phật của lễ thí thực ma đói mà kinh Mật giáo đã nói đến. Như kinh *Diệm khẩu ngạ quỷ* đã cho biết, niệm danh hiệu của Phật Cam Lô Vương thì các thức ăn của ma đói đều biến thành nước Cam Lô bất tử (*amṛta*). Vì vậy, tuy đã có tượng A Di Đà, vẫn cần có tượng Cam Lô Vương, vì ở đây, dấu cũng là một vị Phật, nhưng hai Phật danh khác nhau nên có tác dụng khác nhau.

Thế là, qua biến thể đàn lễ thí thực của hội đền Quảng Chiếu, ta cũng có thể nhận ra được một phần đặc điểm của Phật giáo thời Lý. Phật giáo đó có ảnh hưởng lớn của Mật giáo, nhưng cũng có những đặc điểm khác, như tôn thờ Phật Đa Bảo và Phật

7. W.E. Soothill and L.Hodous: *A Dictionary of Chinese Buddhist Terms*. Bản in lại của nhà xuất bản Phật Quang, Đài Loan, 1961, tr.209.

A Di Đà, làm cho đàn lễ thí thực không còn giống như đàn lễ Mật giáo Trung Quốc.

Nhưng, phải chăng những đặc điểm này của Phật giáo đời Lý đã bắt nguồn từ thời Đinh Lê. Trên một mảnh cột kinh vỡ ở Hoa Lư, tôi đọc được mấy chữ: "Nam vô Đa Bảo... Nam vô Diệu Sắc... Nam vô Quảng Bác"⁽⁹⁾. Ta có thể thấy đó là những dòng đã bị mất chữ, phải hiểu là: "Nam vô Đa Bảo Như Lai... Nam vô Diệu sắc Thân Như Lai... Nam vô Quảng Bác Thân Như Lai..." Như vậy, từ thế kỉ X, đã có sự tôn thờ các vị Phật trong lễ thí thực cũng như Phật Đa Bảo.

Tóm lại, một khi đã hiểu chính xác đoạn văn bia Sùng Thiện Diên Linh nói về hội đền Quảng Chiếu, ta biết được nhiều điều về nghệ thuật (như múa rối nước) và tôn giáo (như Phật giáo) ở Thăng Long thời Lý. Đặc biệt, ta hiểu thêm một nghi lễ Mật giáo đã có phân biến chuyển do đặc điểm Phật giáo Việt Nam.

8. Hà Văn Tấn. Bệ tượng Phật chùa Hoàng Kim với sư Trì Bát thời Lý. *Tập văn kỉ niệm Phật thành đạo PL. 2531*, tr. 64.

9. Hà Văn Tấn. Từ một cột kinh Phật năm 973 vừa phát hiện ở Hoa Lư. *Nghiên cứu lịch sử*, số 76, 1965.